

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CNTT NĂNG CAO - KHÓA ITA.44A
MÔN: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG - MÃ MÔN: B3

Thời gian: 18h30 - Ngày 19/9/2018 - Phòng máy 502/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	Bùi Xuân Ngọc	An	18/11/1991	Nghệ An	K19YDH4	1921524660	ITA.44A				Cấm thi
2	Trần Thị Y	Bình	08/06/1997	Quảng Nam	K21PSUQTH4	2120116286	ITA.44A	Bình	6,5	Sáu năm	
3	Nguyễn Văn	Chung	13/06/1995	Quảng Nam	K19CSUXDD	1921618994	ITA.44A				Cấm thi
4	Lê Văn	Cường	17/08/1994	Thanh Hóa	K19XDC	1921627853	ITA.44A				
5	Phạm Thành	Đồng	10/10/1996	Quảng Ngãi	K20QTH1	2021218411	ITA.44A				Cấm thi
6	Nguyễn Thị Minh	Hằng	09/09/1997	Bình Định	K21YDD3	2120517708	ITA.44A	Hằng	7,5	Bảy năm	
7	Trần Thị Thu	Hiền	19/10/1997	Quảng Bình	K21QTH4	2120218677	ITA.44A	Thu	7,8	Bảy tám	
8	Nguyễn Việt	Hiếu	26/07/1996				ITA.44A				Cấm thi
9	Đỗ Duy Minh	Hoàng	15/07/1996	Khánh Hòa	K20YDH1	2020522804	ITA.44A	Huân	8,0	Tám y	
10	Lê Minh	Huy	29/05/1994	Quảng Nam	K19XDC	1821624059	ITA.44A				đơn kế đư
11	Nguyễn Trần Ngọc	Huy	01/05/1995	Đắk Lắk	K20YDH1	1921528261	ITA.44A				Cấm thi
12	Nguyễn Đăng	Khoa	03/02/1995	Đà Nẵng	K19YDH2	1921524215	ITA.44A				Cấm thi
13	Võ Ngọc	Khoa	11/11/1994				ITA.44A				Cấm thi
14	Phan Thị Thanh	Lệ	10/09/1995	Quảng Nam	D22DLK	1910627692	ITA.44A				
15	Nguyễn Thị Thúy	Linh	08/04/1995	Quảng Trị	D22YDD1	1910519961	ITA.44A	Thúy	7,0	Bảy y	
16	Nguyễn Thị Hoài	Linh	03/07/1997	Đà Nẵng	K21DLK7	2120717428	ITA.44A	Hoài	6,5	Sáu năm	
17	Nguyễn Thị Thanh	Loan	27/02/1997	Đà Nẵng	K21YDD5	2120514937	ITA.44A	Loan	6,8	Sáu tám	
18	Lê Hùng	Mạnh	26/08/1993	hừa Thiên H	K19XDC	1921623525	ITA.44A				Cấm thi
19	Đỗ Hoàng	Minh	02/02/1995	Quảng Nam	K19CSUXDD	1921613335	ITA.44A				Cấm thi
20	Trương Tuấn	Minh	13/12/1996	Đà Nẵng	K20DLK3	2021713951	ITA.44A				Cấm thi
21	Trần Thị Ty	Na	04/03/1995	Đà Nẵng	K19YDH8	1920524428	ITA.44A	Ty	6,5	Sáu năm	
22	Vũ Diệu	Ngân	03/04/1996	Đà Nẵng	K20VQH2	2020357821	ITA.44A	Diệu	6,5	Sáu năm	
23	Trương Thị Quỳnh	Như	02/11/1994	hừa Thiên H	D22YDD	1910518625	ITA.44A	Như	6,8	Sáu tám	
24	Nguyễn Thị	Phúc	29/08/1995	Gia Lai	K20YDH1	2020525649	ITA.44A	Phúc	6,5	Sáu năm	
25	Phạm Thị	Phượng	21/10/1997	Đà Nẵng	K21YDD5	2120514901	ITA.44A	Ph	6,5	Sáu năm	
26	Lê Minh	Quang	07/04/1994	Quảng Nam	K19XDC	1921623475	ITA.44A				Cấm thi
27	Huỳnh Vĩnh	Tài	14/05/1995	Gia Lai	K19YDH2	1921527902	ITA.44A				Cấm thi
28	Nguyễn Thanh	Tâm	29/09/1997	Quảng Nam	K21VLK1	2121869214	ITA.44A	Thanh	6,5	Sáu năm	

kh

T	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
29	Văn Đình	Thành	12/08/1992	hòa Thiên H	K19KTR1	1921412351	ITA.44A				Cấm thi
30	Nguyễn Đặng Phương	Thảo	20/09/1996	Quảng Nam	K20YDD3	2020518226	ITA.44A				Cấm thi
31	Nguyễn Thị Thu	Thảo	20/07/1996	Quảng Nam	K20YDD3	2020510890	ITA.44A				Cấm thi
32	Lê Gia	Thịnh	25/12/1995	Đà Nẵng	K19CSUXDD	1921618041	ITA.44A				Cấm thi
33	Ung Khánh	Thịnh	02/05/1997	Quảng Nam	K21VLK7	2121866223	ITA.44A	th	6,8	Sâu tăm	
34	Trần	Thống	19/09/1997	Quảng Bình	K21VLK7	2121866226	ITA.44A	th	6,8	Sâu tăm	
35	Lê Thị Minh	Thu	10/08/1997	Quảng Trị	K21VLK7	2120866227	ITA.44A	thu	6,5	Sâu năm	
36	Nguyễn Đỗ Anh	Thư	16/06/1997	Quảng Nam	K21VLK7	2120866228	ITA.44A	thu	8,0	Tam y	
37	Mai Thị Hoài	Thương	14/04/1992	Quảng Nam	D22DLK	2226711627	ITA.44A	hl	7,5	Bảy năm	
38	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	24/03/1997	Quảng Trị	K21YDD5	2120514922	ITA.44A	thuy	6,5	Sâu năm	
39	Trần Viết	Tiên	08/02/1996	Đà Nẵng	K20DLK7	2021716519	ITA.44A				
40	Nguyễn Duy	Tiến	23/07/1997	Đà Nẵng	K21QTH5	2121213419	ITA.44A	tu	6,8	Sâu tăm	
41	Trần Vũ	Toàn	26/02/1994	Quảng Ngãi	K19XDC	1921629610	ITA.44A				Cấm thi
42	Phạm Thị Tuyết	Trâm	14/04/1995	Quảng Ngãi	D22YDD4	191051	ITA.44A				Cấm thi
43	Nguyễn Văn	Trí	18/09/1997	Quảng Nam	K21QTH5	2121213396	ITA.44A	tru	7,0	Bảy y	
44	Nguyễn Văn	Triều	20/11/1995	Quảng Nam	K19CSUXDD	1921618909	ITA.44A				Cấm thi
45	Nguyễn Duy	Trường	23/07/1997	Đà Nẵng	K21QTH5	2121213311	ITA.44A	tru	6,5	Sâu năm	
46	Nguyễn Văn Huy	Vũ	19/04/1996	Đà Nẵng	K20DLK3	2021714984	ITA.44A				Cấm thi
47	Võ Hùng	Vũ	01/08/1995	Đà Nẵng	K19CSUXDD	1921613411	ITA.44A				Cấm thi
48	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	28/08/1997	Đà Nẵng	K21YDD5	2120516640	ITA.44A	ly	6,5	Sâu năm	
49											
50											
51											
52											
53											

Tổng số HV/Dự thi: ...23...

Vắng: 25

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CNTT NÂNG CAO - KHÓA ITA.44A
MÔN: KIẾN THỨC CHUNG - MÃ MÔN: B2

Thời gian: 17h45 - Ngày 19/9/2018 - Phòng máy 502/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	Bùi Xuân Ngọc	An	18/11/1991	Nghệ An	K19YDH4	1921524660	ITA.44A				Cấm thi
2	Trần Thị Y	Bình	08/06/1997	Quảng Nam	K21PSUQTH4	2120116286	ITA.44A	Bình	6.5	không phải nam	
3	Nguyễn Văn	Chung	13/06/1995	Quảng Nam	K19CSUXDD	1921618994	ITA.44A				Cấm thi
4	Lê Văn	Cường	17/08/1994	Thanh Hóa	K19XDC	1921627853	ITA.44A				
5	Phạm Thành	Đồng	10/10/1996	Quảng Ngãi	K20QTH1	2021218411	ITA.44A				Cấm thi
6	Nguyễn Thị Minh	Hằng	09/09/1997	Bình Định	K21YDD3	2120517708	ITA.44A	Hằng	5.0	nam	
7	Trần Thị Thu	Hiền	19/10/1997	Quảng Bình	K21QTH4	2120218677	ITA.44A	Hiền	6.3	không phải nam	
8	Nguyễn Việt	Hiếu	26/07/1996				ITA.44A				Cấm thi
9	Đỗ Duy Minh	Hoàng	15/07/1996	Khánh Hòa	K20YDH1	2020522804	ITA.44A	Hoa	6.5	không phải nam	
10	Lê Minh	Huy	29/05/1994	Quảng Nam	K19XDC	1821624059	ITA.44A				K nộp đơn k dự thi
11	Nguyễn Trần Ngọc	Huy	01/05/1995	Đắk Lắk	K20YDH1	1921528261	ITA.44A				Cấm thi
12	Nguyễn Đăng	Khoa	03/02/1995	Đà Nẵng	K19YDH2	1921524215	ITA.44A				Cấm thi
13	Võ Ngọc	Khoa	11/11/1994				ITA.44A				Cấm thi
14	Phan Thị Thanh	Lệ	10/09/1995	Quảng Nam	D22DLK	1910627692	ITA.44A				
15	Nguyễn Thị Thúy	Linh	08/04/1995	Quảng Trị	D22YDD1	1910519961	ITA.44A	Thúy	6.3	không phải nam	
16	Nguyễn Thị Hoài	Linh	03/07/1997	Đà Nẵng	K21DLK7	2120717428	ITA.44A	Lin	6.5	không phải nam	
17	Nguyễn Thị Thanh	Loan	27/02/1997	Đà Nẵng	K21YDD5	2120514937	ITA.44A	Loan	5.0	không phải nam	
18	Lê Hùng	Mạnh	26/08/1993	Huế Thiên H	K19XDC	1921623525	ITA.44A				Cấm thi
19	Đỗ Hoàng	Minh	02/02/1995	Quảng Nam	K19CSUXDD	1921613335	ITA.44A				Cấm thi
20	Trương Tuấn	Minh	13/12/1996	Đà Nẵng	K20DLK3	2021713951	ITA.44A				Cấm thi
21	Trần Thị Ty	Na	04/03/1995	Đà Nẵng	K19YDH8	1920524428	ITA.44A	Ty	5.8	không phải nam	
22	Vũ Diệu	Ngân	03/04/1996	Đà Nẵng	K20VQH2	2020357821	ITA.44A	Diệu	5.8	không phải nam	
23	Trương Thị Quỳnh	Như	02/11/1994	Huế Thiên H	D22YDD	1910518625	ITA.44A	Như	6.0	không phải nam	
24	Nguyễn Thị	Phúc	29/08/1995	Gia Lai	K20YDH1	2020525649	ITA.44A	Phúc	5.5	không phải nam	
25	Phạm Thị	Phượng	21/10/1997	Đà Nẵng	K21YDD5	2120514901	ITA.44A	P	6.0	không phải nam	
26	Lê Minh	Quang	07/04/1994	Quảng Nam	K19XDC	1921623475	ITA.44A				Cấm thi
27	Huỳnh Vĩnh	Tài	14/05/1995	Gia Lai	K19YDH2	1921527902	ITA.44A				Cấm thi
28	Nguyễn Thanh	Tâm	29/09/1997	Quảng Nam	K21VLK1	2121869214	ITA.44A	Tâm	6.8	không phải nam	

	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
29	Văn Đình	Thành	12/08/1992	hữu Thiên H	K19KTR1	1921412351	ITA.44A				Cấm thi
30	Nguyễn Đặng Phương	Thảo	20/09/1996	Quảng Nam	K20YDD3	2020518226	ITA.44A				Cấm thi
31	Nguyễn Thị Thu	Thảo	20/07/1996	Quảng Nam	K20YDD3	2020510890	ITA.44A				Cấm thi
32	Lê Gia	Thịnh	25/12/1995	Đà Nẵng	K19CSUXDD	1921618041	ITA.44A				Cấm thi
33	Ung Khánh	Thịnh	02/05/1997	Quảng Nam	K21VLK7	2121866223	ITA.44A	th	7.7	lấy phẩy	
34	Trần	Thống	19/09/1997	Quảng Bình	K21VLK7	2121866226	ITA.44A	th	5.0	lấy phẩy	
35	Lê Thị Minh	Thu	10/08/1997	Quảng Trị	K21VLK7	2120866227	ITA.44A	thu	7.5	lấy phẩy	
36	Nguyễn Đỗ Anh	Thư	16/06/1997	Quảng Nam	K21VLK7	2120866228	ITA.44A	thu	6.5	lấy phẩy	
37	Mai Thị Hoài	Thương	14/04/1992	Quảng Nam	D22DLK	2226711627	ITA.44A	th	6.8	lấy phẩy	
38	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	24/03/1997	Quảng Trị	K21YDD5	2120514922	ITA.44A	thủy	6.5	lấy phẩy	
39	Trần Việt	Tiến	08/02/1996	Đà Nẵng	K20DLK7	2021716519	ITA.44A				
40	Nguyễn Duy	Tiến	23/07/1997	Đà Nẵng	K21QTH5	2121213419	ITA.44A	th	5.8	lấy phẩy	
41	Trần Vũ	Toàn	26/02/1994	Quảng Ngãi	K19XDC	1921629610	ITA.44A				Cấm thi
42	Phạm Thị Tuyết	Trâm	14/04/1995	Quảng Ngãi	D22YDD4	191051	ITA.44A				Cấm thi
43	Nguyễn Văn	Trí	18/09/1997	Quảng Nam	K21QTH5	2121213396	ITA.44A	th	6.3	lấy phẩy	
44	Nguyễn Văn	Triều	20/11/1995	Quảng Nam	K19CSUXDD	1921618909	ITA.44A				Cấm thi
45	Nguyễn Duy	Trường	23/07/1997	Đà Nẵng	K21QTH5	2121213311	ITA.44A	trường	6.0	lấy phẩy	
46	Nguyễn Văn Huy	Vũ	19/04/1996	Đà Nẵng	K20DLK3	2021714984	ITA.44A				Cấm thi
47	Võ Hùng	Vũ	01/08/1995	Đà Nẵng	K19CSUXDD	1921613411	ITA.44A				Cấm thi
48	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	28/08/1997	Đà Nẵng	K21YDD5	2120516640	ITA.44A	th	5.8	lấy phẩy	
49											
50											
51											
52											
53											

Tổng số HV/Dự thi: ...23...

Vắng: 25.